

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2017
V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diên.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị T trình bày: Năm 2002 chị T và anh H tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh và chị có một người con chung là H1, sinh năm 2004, hiện nay đang sống chung với anh H. Nhiều năm nay anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh chị không sống chung với nhau nữa. Nay thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Chị T giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

* *Bị đơn anh H trình bày:* Anh chị cưới nhau nhưng không đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị T, nay chị T xin ly hôn anh H thống nhất. Anh H thống nhất nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh chị không có tài sản và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 2002, chị T và anh H cưới nhau theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”.

Như vậy pháp luật không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh H. Chị T và anh H không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị T và anh H. Theo đó, giữa chị T và anh H không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh H có 01 người con chung tên H1, sinh ngày 09/02/2004, giới tính nam; hiện nay cháu H1 đang sống chung với anh H và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh H. Anh H và chị T thỏa thuận theo nguyện vọng của cháu H1 là giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, anh H có nghề nghiệp ổn định (lái xe), đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H1 nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định không ai được cản trở; trường hợp anh H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị T và anh H.

2. Về con chung: Giao H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định không ai được cản trở. Trường hợp anh H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005399 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Các đương có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận